

Phần thi: VIẾT NGHE-ĐỌC

Cán bộ coi thi 2

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI TIẾNG ANH BA BẬC

P2 PM 201

Ca 1: 7:20-10:45

Ngày thi: 31-5-2020

Phần thi: VIẾT NGHE-ĐỌC

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi Sinh	Dân tộc	Mã đề (viết)	Số tờ (viết)	Chữ ký	Sửa chữa sai sót (nếu có)
1	B10520.027	Dương Trí Dũng	Nam	9	2	1993	Thái Nguyên					
2	B10520.028	Trần Việt Dũng	Nam	18	1	1985	Thái Bình					
3	B10520.029	Trịnh Đạt Dũng	Nam	3	1	1975	Hà Nội					
4	B10520.030	Đỗ Hữu Dương	Nam	19	5	1983	Hà Nội					
5	B10520.031	Nguyễn Thái Dương	Nam	10	8	1994	Kiên Giang					
6	B10520.032	Nguyễn Thị Kim Duyên	Nữ	30	7	1982	TP Hồ Chí Minh					
7	B10520.033	Bùi Thị Hương Giang	Nữ	2	7	1982	Thái Bình					
8	B10520.034	Đinh Đức Giang	Nam	22	9	1990	Cao Bằng					
9	B10520.035	Nguyễn Mạnh Hà	Nam	3	1	1982	Thái Nguyên					
10	B10520.036	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	26	8	1985	Hà Nội					
11	B10520.037	Phan Khánh Hà	Nam	1	5	1983	Tuyên Quang					
12	B10520.038	Thiệu Hoàng Hà	Nam	26	8	1975	Hà Nội					
13	B10520.039	Nguyễn Thái Hà	Nam	13	5	1975	Hà Nội					
14	B10520.040	Lưu Thanh Hải	Nam	10	5	1981	Tuyên Quang					
15	B10520.041	Nguyễn Thế Hải	Nam	10	5	1995	Thái Nguyên					
16	B10520.042	Đinh Thị Thu Hằng	Nữ	9	9	1984	Tuyên Quang					
17	B10520.043	Trần Thế Hanh	Nam	26	6	1986	Vĩnh Phúc					
18	B10520.044	Lê Thị Hạnh	Nữ	7	2	1984	Thanh Hóa					
19	B10520.045	Phạm Mỹ Hạnh	Nữ	14	3	1995	Thái Bình					
20	B10520.046	Đàm Thu Hào	Nữ	6	11	1995	Cao Bằng					
21	B10520.047	Lê Công Hào	Nam	9	9	1989	Thái Nguyên					
22	B10520.048	Lê Thị Hào	Nữ	16	4	1983	Vĩnh Phúc					
23	B10520.049	Thân Thị Thúy Hào	Nữ	16	7	1983	Bắc Giang					
24	B10520.050	Chu Đức Hậu	Nam	18	3	1980	Thái Nguyên					
25	B10520.051	Nguyễn Thị Thanh Hậu	Nữ	18	3	1989	Tuyên Quang					
26	B10520.052	Đoàn Thị Hiên	Nữ	9	6	1989	Thái Nguyên					
27	B10520.053	Phạm Thế Hiên	Nam	30	7	1974	Hải Dương					
28	B10520.054	Hoàng Hiệp	Nam	23	6	1996	Thái Nguyên					
29	B10520.055	Hoàng Thị Hiệp	Nữ	5	3	1981	Lạng Sơn					
30	B10520.056	Nguyễn Khắc Hiệp	Nam	14	2	1986	Hà Nội					

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt Tổng số bài thi Tổng số tờ giấy thi: Số thí sinh vi phạm quy chế thi

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI TIẾNG ANH BA BẬC

P3 PM 202 Ca 1: 7:20-10:45 Ngày thi: 31-5-2020 Phần thi: VIẾT NGHE-ĐỌC

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh			Nơi Sinh	Dân tộc	Mã đề (viết)	Số tờ (viết)	Chữ ký	Sửa chữa sai sót (nếu có)
1	B10520.057	Phạm Ngọc	Hiếu	Nam	10	4	1991	Thái Nguyên					
2	B10520.058	Chu Minh	Hòa	Nam	20	7	1984	Tuyên Quang					
3	B10520.059	Đoàn Hữu	Hòa	Nam	21	4	1967	Tuyên Quang					
4	B10520.060	Hà Ngọc	Hòa	Nam	28	9	1979	Thái Nguyên					
5	B10520.061	Hoàng Văn	Hòa	Nam	9	10	1985	Hà Nội					
6	B10520.062	Nguyễn Trung	Hòa	Nam	23	3	1978	Thái Bình					
7	B10520.063	Vũ Thị	Hoài	Nữ	26	10	1980	Quảng Ninh					
8	B10520.064	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	26	11	1982	Hung Yên					
9	B10520.065	Triệu Bích	Huệ	Nữ	2	5	1990	Lạng Sơn					
10	B10520.066	Đinh Bá	Hùng	Nam	27	7	1978	Hòa Bình					
11	B10520.067	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	21	7	1991	Thái Nguyên					
12	B10520.068	Nguyễn Sinh	Hùng	Nam	25	12	1982	Thái Nguyên					
13	B10520.069	Đào Duy	Hưng	Nam	7	4	1995	Thái Nguyên					
14	B10520.070	Lê Văn	Hưng	Nam	1	2	1984	Bắc Giang					
15	B10520.071	Nguyễn Mạnh	Hưng	Nam	30	10	1993	Thái Nguyên					
16	B10520.072	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	19	11	1982	Thái Nguyên					
17	B10520.073	Bùi Thị	Hương	Nữ	4	7	1979	Quảng Ninh					
18	B10520.074	Lê Thị	Hương	Nữ	17	10	1991	Thái Nguyên					
19	B10520.075	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	9	10	1982	Quảng Ninh					
20	B10520.076	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	6	11	1985	Nam Định					
21	B10520.077	Trịnh Thị Mai	Hương	Nữ	29	8	1993	Thái Nguyên					
22	B10520.078	Nguyễn Văn	Huy	Nam	28	9	1997	Thái Nguyên					
23	B10520.079	Nguyễn Xuân	Huy	Nam	24	1	1987	Hà Nội					
24	B10520.080	Vương Tuấn	Huy	Nam	10	2	1981	Tuyên Quang					
25	B10520.081	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	20	5	1996	Thanh Hóa					
26	B10520.082	Ngô Thu	Huyền	Nữ	10	2	1990	Hà Nội					

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt Tổng số bài thi Tổng số tờ giấy thi: Số thí sinh vi phạm quy chế thi ..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI TIẾNG ANH BA BẬC

P4 PM 301 Ca 1: 7:20-10:45 Ngày thi: 31-5-2020 Phần thi: VIẾT NGHE-ĐỌC

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi Sinh	Dân tộc	Mã đề (viết)	Số tờ (viết)	Chữ ký	Sửa chữa sai sót (nếu có)
1	B10520.083	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	25	5	1982	Thanh Hóa					
2	B10520.084	Phạm Khánh Huyền	Nữ	5	7	1997	Thanh Hóa					
3	B10520.085	Vũ Thị Thanh Huyền	Nữ	28	11	1987	Lạng Sơn					
4	B10520.086	Trần Duy Khánh	Nam	26	3	1988	Cao Bằng					
5	B10520.087	Hoàng Minh Khôi	Nam	9	2	1987	Hà Nội					
6	B10520.088	Hoàng Trung Kiên	Nam	26	3	1980	Thái Nguyên					
7	B10520.089	Bùi Thị La	Nữ	24	5	1988	Bắc Ninh					
8	B10520.090	Đinh Phước Là	Nam	11	7	1984	Quảng Nam					
9	B10520.091	Chu Thị Thu Lan	Nữ	12	10	1983	Lạng Sơn					
10	B10520.092	Đào Thị Thu Lành	Nữ	2	12	1984	Thái Bình					
11	B10520.093	Phùng Đình Lễ	Nam	7	10	1985	Thanh Hóa					
12	B10520.094	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	25	11	1984	Thái Nguyên					
13	B10520.095	Chu Văn Linh	Nam	19	12	1989	Tuyên Quang					
14	B10520.096	Vũ Thị Diệu Linh	Nữ	30	4	1994	Hà Nội					
15	B10520.097	Nguyễn Hoàng Long	Nam	10	1	1984	Tuyên Quang					
16	B10520.098	Dương Thành Luân	Nam	20	11	1994	Quảng Ninh					
17	B10520.099	Dương Thành Luân	Nam	7	7	1983	Lạng Sơn					
18	B10520.100	Nguyễn Thành Luân	Nam	1	6	1991	Hà Nội					
19	B10520.101	Phạm Quang Lưu	Nam	4	2	1981	Thái Nguyên					
20	B10520.102	Trần Phương Ly	Nữ	24	8	1994	Thái Nguyên					
21	B10520.103	Ma Thị Lý	Nữ	12	10	1988	Tuyên Quang					
22	B10520.104	Nguyễn Thế Mạnh	Nam	18	1	1990	Hà Nội					
23	B10520.105	Nguyễn Thế Mạnh	Nam	3	8	1978	Tuyên Quang					
24	B10520.106	Trần Đức Mạnh	Nam	2	2	1977	Thái Bình					
25	B10520.107	Đặng Văn Minh	Nam	10	5	1976	Quảng Ninh					
26	B10520.108	Đỗ Nhật Minh	Nam	31	12	1994	Hà Nội					
27	B10520.109	Chu Văn Nam	Nam	27	11	1989	Thái Nguyên					
28	B10520.110	Nguyễn Thành Nam	Nam	22	8	1979	Thái Nguyên					
29	B10520.111	Nguyễn Thành Nam	Nam	29	4	1994	Thái Nguyên					
30	B10520.112	Nguyễn Quỳnh Nga	Nữ	4	11	1988	Hà Nội					

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt Tổng số bài thi Tổng số tờ giấy thi: Số thí sinh vi phạm quy chế thi ..

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI TIẾNG ANH BA BẬC

P5 PM 101 Ca 2: 14:20-17:45 Ngày thi: 31-5-2020 Phần thi: VIẾT NGHE-ĐỌC

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi Sinh	Dân tộc	Mã đề (viết)	Số tờ (viết)	Chữ ký	Sửa chữa sai sót (nếu có)
1	B10520.113	Nguyễn Thị Nga	Nữ	2	6	1982	Thái Nguyên					
2	B10520.114	Nguyễn Thị Nhật Nga	Nữ	3	1	1988	Tuyên Quang					
3	B10520.115	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	17	1	1984	Hà Nội					
4	B10520.116	Bùi Kim Ngân	Nữ	7	8	1992	Thái Nguyên					
5	B10520.117	Nguyễn Đức Nghĩa	Nam	14	11	1995	Thái Nguyên					
6	B10520.118	Nguyễn Thị Nghĩa	Nữ	25	6	1993	Bắc Ninh					
7	B10520.119	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	13	5	1980	Hà Nội					
8	B10520.120	Phạm Thị Bích Nguyệt	Nữ	7	8	1979	Thái Nguyên					
9	B10520.121	Phạm Hồng Nhật	Nam	1	2	1974	Tuyên Quang					
10	B10520.122	Phạm Văn Nhó	Nam	8	9	1976	Quảng Ninh					
11	B10520.123	Nguyễn Thị Hồng Như	Nữ	3	11	1989	Thái Nguyên					
12	B10520.124	Dương Thị Nhung	Nữ	28	12	1992	Thái Nguyên					
13	B10520.125	Vương Văn Ninh	Nam	22	1	1979	Tuyên Quang					
14	B10520.126	Ngô Thị Bảo Oanh	Nữ	16	11	1991	Tuyên Quang					
15	B10520.127	Bùi Văn Phong	Nam	24	4	1995	Hòa Bình					
16	B10520.128	Giảng Minh Phong	Nam	29	4	1996	Thái Bình					
17	B10520.129	Nguyễn Hồng Phú	Nam	6	10	1972	Vĩnh Phúc					
18	B10520.130	Đinh Thị Phương	Nữ	17	7	1989	Tuyên Quang					
19	B10520.131	Đỗ Minh Phương	Nữ	25	9	1987	Hà Nội					
20	B10520.132	Lê Nam Phương	Nam	5	1	1996	Thanh Hóa					
21	B10520.133	Lê Trung Phương	Nam	21	10	1983	Thái Nguyên					
22	B10520.134	Nguyễn Công Phương	Nam	16	10	1980	Tuyên Quang					
23	B10520.135	Nguyễn Minh Phương	Nữ	3	9	1996	Thái Nguyên					
24	B10520.136	Nguyễn Thanh Phương	Nam	12	9	1976	TP Hồ Chí Minh					
25	B10520.137	Đinh Thị Phương	Nữ	1	7	1987	Thanh Hóa					
26	B10520.138	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	13	12	1989	Thái Nguyên					

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt Tổng số bài thi Tổng số tờ giấy thi: Số thí sinh vi phạm quy chế thi

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI TIẾNG ANH BA BẬC

P6 PM 201 Ca 2: 14:20-17:45 Ngày thi: 31-5-2020 Phần thi: VIẾT NGHE-ĐỌC

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh			Nơi Sinh	Dân tộc	Mã đề (viết)	Số tờ (viết)	Chữ ký	Sửa chữa sai sót (nếu có)
1	B10520.139	Vũ Kim	Phượng	Nữ	31	5	1987	Thái Nguyên					
2	B10520.140	Trần Văn	Quân	Nam	22	4	1984	Thái Bình					
3	B10520.141	Hoàng Ngọc	Quang	Nam	10	11	1976	Lạng Sơn					
4	B10520.142	Ngô Ngọc	Quang	Nam	8	11	1979	Thái Nguyên					
5	B10520.143	Trương Đình	Quang	Nam	30	12	1993	Hà Nội					
6	B10520.144	Phạm Thị	Quyên	Nữ	12	11	1986	Hà Nội					
7	B10520.145	Hoàng Văn	Quyên	Nam	14	2	1985	Hà Nội					
8	B10520.146	Hoàng Trường	Son	Nam	27	1	1977	Quảng Ninh					
9	B10520.147	Lê Thanh	Tài	Nam	11	10	1984	TP Hồ Chí Minh					
10	B10520.148	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	26	1	1988	Tuyên Quang					
11	B10520.149	Trần Thanh	Tân	Nam	29	10	1991	Thái Nguyên					
12	B10520.150	Nguyễn Đình	Tạo	Nam	2	7	1966	Hải Dương					
13	B10520.151	Phạm Hồng	Thái	Nam	27	4	1995	Hà Nội					
14	B10520.152	Vũ Thị	Thắm	Nữ	10	9	1987	Thái Nguyên					
15	B10520.153	Nguyễn Quyết	Thắng	Nam	16	8	1989	Thái Nguyên					
16	B10520.154	Phạm Quang	Thắng	Nam	19	5	1975	Thái Nguyên					
17	B10520.155	Phùng Văn	Thắng	Nam	9	3	1982	Quảng Ninh					
18	B10520.156	Vũ Thị	Thanh	Nữ	1	11	1981	Thái Nguyên					
19	B10520.157	Đình Quang	Thành	Nam	21	6	1995	Hà Nội					
20	B10520.158	Dương Văn	Thành	Nam	14	3	1982	Thái Nguyên					
21	B10520.159	Ngô Tiến	Thành	Nam	14	12	1984	Thái Nguyên					
22	B10520.160	Nguyễn Duy	Thành	Nam	16	10	1986	Thái Nguyên					
23	B10520.161	Nguyễn Văn	Thành	Nam	9	10	1983	Bắc Giang					
24	B10520.162	Tạ Thị	Thảo	Nữ	27	12	1996	Tuyên Quang					
25	B10520.163	Dương Văn	Thê	Nam	10	1	1970	Thái Nguyên					
26	B10520.164	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	19	12	1997	Thái Nguyên					
27	B10520.165	Ngô Hoài	Thơ	Nữ	24	3	1990	Thái Nguyên					
28	B10520.166	Lan Thị	Thu	Nữ	7	11	1975	Quảng Ninh					
29	B10520.167	Vũ Phương	Thu	Nữ	19	12	1984	Hà Nội					
30	B10520.168	Bùi Thị Hoài	Thương	Nữ	25	1	1987	Tuyên Quang					

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt Tổng số bài thi Tổng số tờ giấy thi: Số thí sinh vi phạm quy chế thi

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phần thi: VIẾT NGHE-ĐỌC

Cán bộ coi thi 2

DANH SÁCH THÍ SINH PHÒNG THI TIẾNG ANH BA BẬC

P8 PM 301

Ca 2: 14:20-17:45

Ngày thi: 31-5-2020

Phần thi: VIẾT NGHE-ĐỌC

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi Sinh	Dân tộc	Mã đề (viết)	Số tờ (viết)	Chữ ký	Sửa chữa sai sót (nếu có)
1	B10520.195	Lương Thành Trung	Nam	17	11	1988	Vĩnh Phú					
2	B10520.196	Nguyễn Ngọc Bảo Trung	Nam	11	12	1992	Thái Nguyên					
3	B10520.197	Nguyễn Thành Trung	Nam	1	4	1977	Quảng Ninh					
4	B10520.198	Hà Quang Trưởng	Nam	22	4	1987	Tuyên Quang					
5	B10520.199	Lê Minh Tú	Nam	27	11	1989	Thái Nguyên					
6	B10520.200	Lê Văn Tú	Nam	22	5	1978	Tuyên Quang					
7	B10520.201	Trần Xuân Tú	Nam	1	7	1985	Thái Nguyên					
8	B10520.202	Vũ Quang Tú	Nam	10	7	1985	Hà Nội					
9	B10520.203	Nguyễn Hữu Tứ	Nam	17	4	1991	Thanh Hóa					
10	B10520.204	Đặng Văn Tuấn	Nam	20	5	1986	Quảng Ninh					
11	B10520.205	Đào Anh Tuấn	Nam	11	11	1979	Lạng Sơn					
12	B10520.206	Đào Phương Tuấn	Nam	29	12	1975	Thái Nguyên					
13	B10520.207	Mai Anh Tuấn	Nam	3	11	1978	Quảng Ninh					
14	B10520.208	Phạm Thị Tuấn	Nữ	1	11	1987	Thanh Hóa					
15	B10520.209	Trần Thanh Tuấn	Nam	11	6	1981	Nghệ An					
16	B10520.210	Trần Thị Hồng Tuấn	Nữ	9	2	1979	Thái Nguyên					
17	B10520.211	Lê Quang Tùng	Nam	19	12	1995	Thái Nguyên					
18	B10520.212	Lê Thanh Tùng	Nam	28	1	1987	Tuyên Quang					
19	B10520.213	Trần Sơn Tùng	Nam	13	3	1985	Hà Nội					
20	B10520.214	Vũ Thanh Tùng	Nam	17	5	1987	Thái Nguyên					
21	B10520.215	Kim Ngọc Tuyên	Nam	30	12	1981	Tuyên Quang					
22	B10520.216	Lê Văn Tuyên	Nam	1	10	1978	Thái Bình					
23	B10520.217	Trần Thị Tuyết	Nữ	23	1	1987	Thái Nguyên					
24	B10520.218	Ngô Hồng Vân	Nam	13	7	1985	Hà Nội					
25	B10520.219	Trần Xuân Việt	Nam	26	12	1979	Thái Nguyên					
26	B10520.220	Đặng Ngọc Vinh	Nam	2	10	1983	Tuyên Quang					
27	B10520.221	Đinh Thị Vỹ	Nữ	1	1	1974	Quảng Ninh					
28	B10520.222	Đỗ Hồng Yên	Nữ	19	5	1986	Hà Nội					
29	B10520.223	Nguyễn Hải Yên	Nữ	31	5	1991	Thái Nguyên					
30	B10520.224	Nhữ Thị Hải Yên	Nữ	4	11	1996	Thái Nguyên					

Số thí sinh có mặt Số thí sinh vắng mặt Tổng số bài thi Tổng số tờ giấy thi: Số thí sinh vi phạm quy chế thi

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2